

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

Số: 130/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (“Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Tổng Công ty”) được lập ngày 28 tháng 8 năm 2015, từ trang 3 đến trang 33. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 28 tháng 8 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1178-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 01-DN/HN

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		2.734.006.727.334	2.281.267.366.440
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	151.183.247.854	278.430.176.919
1. Tiền	111		147.183.247.854	237.426.954.697
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	41.003.222.222
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		261.360.000.000	170.880.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	261.360.000.000	170.880.000.000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.210.706.991.119	1.111.166.907.658
1. Phải thu khách hàng	131		872.991.750.546	835.648.955.582
2. Trả trước cho người bán	132		32.511.439.874	14.006.218.147
3. Các khoản phải thu khác	135	7	305.786.117.461	262.492.316.588
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(582.316.762)	(980.582.659)
IV Hàng tồn kho	140	8	930.835.063.351	575.085.285.312
1. Hàng tồn kho	141		945.574.526.825	588.336.693.407
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(14.739.463.474)	(13.251.408.095)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		179.921.425.010	145.704.996.551
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.349.427.519	997.191.756
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		176.368.171.350	143.506.755.990
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		766.981.149	4.432.902
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.436.844.992	1.196.615.903
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		735.684.571.841	627.639.224.334
I. Tài sản cố định	220		354.209.196.025	275.245.281.103
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	353.310.721.469	274.534.021.231
- Nguyên giá	222		939.808.905.871	816.241.385.135
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(586.498.184.402)	(541.707.363.904)
2. Tài sản vô hình	227	10	898.474.556	711.259.872
- Nguyên giá	228		16.417.753.006	16.136.693.006
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.519.278.450)	(15.425.433.134)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		325.555.692.826	296.712.836.282
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	268.599.517.290	244.073.981.296
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	70.655.670.877	70.655.670.877
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(13.699.495.341)	(18.016.815.891)
III Tài sản dài hạn khác	260		55.919.682.990	55.681.106.949
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	15.382.067.571	15.247.207.530
2. Tài sản dài hạn khác	268	15	40.537.615.419	40.433.899.419
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.469.691.299.175	2.908.906.590.774

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015


MẪU B 01-DN/HN


ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2015	31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.439.106.146.662	2.038.623.125.837
I. Nợ ngắn hạn	310		2.405.998.977.441	1.850.720.855.927
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	330.223.223.612	192.237.124.559
2. Phải trả người bán	312		1.247.065.110.191	724.979.473.792
3. Người mua trả tiền trước	313		118.955.838.088	116.218.877.112
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	33.782.597.293	37.853.345.499
5. Phải trả người lao động	315		469.642.711.345	497.623.928.586
6. Chi phí phải trả	316		27.506.636.078	10.027.073.280
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	36.266.550.944	113.564.305.548
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		142.556.309.890	158.216.727.551
II. Nợ dài hạn	330		33.107.169.221	187.902.269.910
1. Phải trả dài hạn khác	333		2.673.146.400	2.823.146.400
2. Vay và nợ dài hạn	334		-	153.416.000.000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337	19	27.246.883.875	27.811.105.500
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		3.187.138.946	3.852.018.010
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		961.352.578.175	804.773.747.490
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	961.352.578.175	804.773.747.490
1. Vốn điều lệ	411		280.000.000.000	280.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.469.859.758	24.469.859.758
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.693.895.152	1.693.895.152
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		259.721.778.938	259.721.778.938
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		33.198.975.202	33.198.975.202
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		362.268.069.125	205.689.238.440
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	21	69.232.574.338	65.509.717.447
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		3.469.691.299.175	2.908.906.590.774

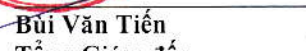
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	30/6/2015	31/12/2014
1. Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ ("USD")	1.687.600	5.897.218
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công ("VND")	325.626.368.800	316.109.640.342


Nguyễn Bích Thủy
Người lập


Nguyễn Trâm Anh
Kế toán trưởng




Bùi Văn Tiến
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**MẪU B 02-DN/HN**
ĐVT: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.948.659.938.232	2.554.343.656.394
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.409.370.430	1.118.265.933
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.947.250.567.802	2.553.225.390.461
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		2.585.373.305.170	2.191.787.455.531
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		361.877.262.632	361.437.934.930
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	18.600.915.581	12.706.304.789
7. Chi phí tài chính	22	25	8.173.447.349	9.743.492.301
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.500.000.000	3.579.580.172
8. Chi phí bán hàng	24		104.117.704.744	113.304.391.343
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		104.483.528.406	108.110.739.372
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		163.703.497.714	142.985.616.703
11. Thu nhập khác	31		6.007.169.497	6.224.685.685
12. Chi phí khác	32		2.014.499.611	3.042.894.999
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	26	3.992.669.886	3.181.790.686
14. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	45	11	31.765.572.168	25.556.486.627
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		199.461.739.768	171.723.894.016
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	38.274.838.683	30.340.282.067
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		161.186.901.085	141.383.611.949
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	21	3.868.474.514	3.485.324.004
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		157.318.426.571	137.898.287.945
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	5.619	4.925



Nguyễn Bích Thủy
Người lập



Nguyễn Trâm Anh
Kế toán trưởng

Bùi Văn Tiến
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 8 năm 2015

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CONSố 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 03-DN/HN

DVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	199.461.739.768	171.723.894.016
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	53.770.014.686	40.679.548.756
Các khoản dự phòng	03	(3.227.531.068)	1.541.689.449
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(1.867.909.339)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(40.428.203.729)	(31.835.491.904)
Chi phí lãi vay	06	3.500.000.000	3.579.580.172
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	213.076.019.657	183.821.311.150
Thay đổi các khoản phải thu	09	(192.909.074.240)	(175.352.383.160)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(357.237.833.418)	(132.709.859.541)
Thay đổi các khoản phải trả	11	616.076.877.667	211.749.240.058
Thay đổi chi phí trả trước	12	(487.095.804)	102.593.009
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(9.995.580.172)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(40.080.136.986)	(57.983.104.771)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	223.566.722
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(16.649.347.170)	(27.548.707.515)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	221.789.409.706	(7.692.924.220)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(147.083.824.863)	(22.919.454.128)
2. Tiền thu do thanh lý và nhượng bán tài sản cố định	22	128.990.506	181.272.725
3. Tiền chi cho vay, mua công nợ của đơn vị khác	23	(60.000.000.000)	(49.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	33.000.000.000	16.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(91.320.000.000)	(67.229.999.789)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	840.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.328.396.533	10.261.372.014
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(246.106.437.824)	(112.206.809.178)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	112.296.997.130	148.876.076.120
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(131.226.898.077)	(60.861.475.560)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(84.000.000.000)	(84.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(102.929.900.947)	4.014.600.560
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(127.246.929.065)	(115.885.132.838)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	278.430.176.919	323.807.128.430
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	6.875.819.010
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	151.183.247.854	214.797.814.602

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

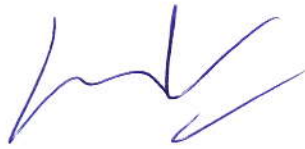
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua sắm tài sản cố định trong kỳ không bao gồm 14.927.664.400 đồng (cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014: 28.263.145.750 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân thay đổi các khoản phải trả.



Nguyễn Bích Thủy
Người lập



Nguyễn Trâm Anh
Kế toán trưởng



Bùi Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN CHUNG**

Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (gọi tắt là “Công ty mẹ”), năm công ty con và các công ty liên kết, liên doanh cụ thể được trình bày như sau:

Công ty mẹ

Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (gọi tắt là “Công ty mẹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước “Tổng Công ty May Việt Tiến”, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000342 ngày 21 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300401524 ngày 13 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty mẹ là 280 tỷ đồng và Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Vinatex”) là cổ đông chính của Công ty mẹ.

Hoạt động chính của Công ty mẹ là:

- Sản xuất mua bán sản phẩm dệt may các loại;
- Sản xuất, kinh doanh: nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ ngành dệt may và bao bì, thiết bị điện lạnh dân dụng và công nghiệp;
- Thiết bị điện - âm thanh - ánh sáng;
- Mua bán máy bơm gia dụng và công nghiệp;
- Dịch vụ giặt, in, thêu và đào tạo cắt may công nghiệp;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, thiết bị, kho bãi; và
- Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa, đại lý tàu biển.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 8.778 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 7.158 người).

Các công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH May Thuận Tiến (“Thuận Tiến”)	Tỉnh Bình Thuận	82,50	82,50	Sản xuất, kinh doanh gia công quần áo may sẵn; mua bán thiết bị, máy và phụ tùng ngành may mặc.
Công ty TNHH May Tiến Thuận (“Tiến Thuận”)	Tỉnh Ninh Thuận	82,50	82,50	Sản xuất, kinh doanh gia công quần áo may sẵn; mua bán thiết bị, máy và phụ tùng ngành may mặc.
Công ty TNHH Nam Thiên (“Nam Thiên”)	Tp. Hồ Chí Minh	83,55	83,55	Sản xuất vải sợi; may công nghiệp; mua bán hàng may mặc, bông vải sợi, máy móc thiết bị vật tư ngành dệt, may mặc; và cho thuê máy móc, thiết bị vật tư ngành dệt, may mặc.
Công ty TNHH Việt Tiến Meko (“Việt Tiến Meko”)	Tp. Cần Thơ	51,00	51,00	Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc và các sản phẩm liên quan.
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng (“Việt Hồng”)	Tỉnh Bến Tre	66,78	66,78	Sản xuất gia công, kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các công ty liên kết, liên doanh**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Tên công ty liên kết, liên doanh	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	40,00	40,00	Sản xuất, kinh doanh nút nhựa
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	Tp. Hồ Chí Minh	30,00	30,00	Sản xuất, kinh doanh Mex - Dụng
Công ty Cổ phần May Việt Tân	Tỉnh Tiền Giang	34,98	34,98	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần Việt Hưng	Tp. Hồ Chí Minh	32,53	32,53	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	Tp. Hồ Chí Minh	25,24	25,24	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	Tp. Hồ Chí Minh	20,85	20,85	Sản xuất, kinh doanh nguyên phụ liệu ngành dệt may; gia công in, nhuộm vải; cho thuê kho bãi
Công ty Cổ phần May Công Tiến	Tỉnh Tiền Giang	28,38	28,38	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	Tỉnh Vĩnh Long	26,00	26,00	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần Đồng Tiến	Tỉnh Đồng Nai	26,06	26,06	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần May Tiền Tiến	Tỉnh Tiền Giang	36,77	36,77	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông A	Tỉnh Đồng Nai	30,00	30,00	Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	Tỉnh Bình Dương	55,06	49,00	Sản xuất, kinh doanh nhân các loại
Công ty Cổ phần May Tây Đô	Tỉnh Cần Thơ	45,83	45,83	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần Tổng Hợp Ninh Thuận	Tỉnh Ninh Thuận	34,98	34,98	Kinh doanh xăng dầu, nhà hàng, khách sạn
Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức	Tp. Hồ Chí Minh	45,15	45,15	Sản xuất gia công cơ khí
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến – Tung Shing	Tp. Hồ Chí Minh	25,00	25,00	Kinh doanh máy móc thiết bị, phụ tùng ngành may
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK MS	Tp. Hồ Chí Minh	40,00	40,00	Dịch vụ giao nhận, xuất nhập khẩu

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ngày 18 tháng 5 năm 2015, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 75/2015/TT-BTC (“Thông tư 75”) sửa đổi, bổ sung điều 128 Thông tư 200 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 75 cho phép các doanh nghiệp thuộc đối tượng phải lập báo cáo tài chính giữa niên độ (báo cáo tài chính quý và báo cáo tài chính bán niên) được lựa chọn lập báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2015 theo quy định tại Quyết định 15. Theo đó, báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Tổng Công ty đã được lập theo Quyết định 15. Ban Tổng Giám đốc sẽ áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã lựa chọn lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 theo quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và sẽ áp dụng Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

00-65
HAT
G T
EM H
JIT
NA
HC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty mẹ, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty mẹ vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư chứng khoán và đầu tư vào các công ty mà tỷ lệ sở hữu dưới 20%. Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến các khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá đầu tư (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác được trích lập theo các quy định hiện hành có liên quan.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản nhận ký quỹ, ký cược.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự và có thể không thể thanh toán các khoản nợ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh (đối với nguyên phụ liệu) và phương pháp bình quân gia quyền đối với thành phẩm. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu của sản phẩm may mặc trên các công đoạn sản xuất. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển và khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CONSố 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc, thiết bị	4 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị quản lý	3 – 6
Tài sản cố định khác	5

Tài sản vô hình và hao mòn

Tài sản vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm vi tính. Tài sản vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản vô hình được ước tính từ 2,5 năm đến 20 năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thuê các cửa hàng, và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê 22.261,9 m² đất tại Khu Công nghiệp Dệt may Bình An thuộc Ấp Bình Thắng, Xã Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương được trả trước cho Công ty Đầu tư và Phát triển Bình Thắng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 50 năm.

Chi phí trả trước dài hạn còn bao gồm chi phí thuê các cửa hàng. Chi phí thuê các cửa hàng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê theo hợp đồng từ 2 đến 5 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị sửa chữa, công cụ, dụng cụ đã xuất dùng với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ là doanh thu từ hoạt động gia công, thu nhập từ việc cho thuê máy móc thiết bị, cho thuê nhà, kho. Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ hoạt động không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tổng Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	1.067.747.072	871.906.723
Tiền gửi ngân hàng	146.115.500.782	236.555.047.974
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	41.003.222.222
	<u>151.183.247.854</u>	<u>278.430.176.919</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam, có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất bình quân từ 4,6% đến 5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: từ 4,8% đến 5%/năm).

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đô la Mỹ, có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm và hưởng lãi suất bình quân 0,25%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 0,25%/năm).

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing (i)	149.156.155.350	136.327.005.307
Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức (ii)	101.422.847.221	98.850.938.888
Công ty TNHH Hà Việt Tung Shing (iii)	25.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á (iv)	24.720.000.000	24.000.000.000
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK MS (i)	2.452.260.515	479.620.120
Các khoản phải thu khác	3.034.854.375	2.834.752.273
	<u>305.786.117.461</u>	<u>262.492.316.588</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản phải thu khác bao gồm:

- i) Khoản chi hộ cho Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến – Tung Shing và Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK MS.
- ii) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức là tiền gốc và lãi cho vay theo Hợp đồng 03/VTEC-CKTD/2013 và 01, 02, 03, 04, 05 & 06/VTEC-CKTD/2014. Các khoản cho vay có thời hạn là 1 năm kể từ ngày giải ngân với lãi suất 8,5%/năm.
- iii) Khoản phải thu Công ty TNHH Hà Việt Tung Shing là tiền gốc vay theo Hợp đồng 02/2015-VTEC-HVTS. Khoản vay có thời hạn 6 tháng kể từ ngày giải ngân với lãi suất 8,5%/năm.
- iv) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á là tiền gốc và lãi cho vay theo Hợp đồng 04 & 05/VTEC-VTDA/2014. Các khoản cho vay có thời hạn là 1 năm kể từ ngày giải ngân với lãi suất 6%/năm.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CONSố 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	73.402.438.288	71.508.983.864
Nguyên liệu, vật liệu	224.871.203.542	116.348.596.685
Công cụ, dụng cụ	407.689.270	374.174.609
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	361.454.397.022	124.192.278.941
Thành phẩm	273.607.838.630	263.217.739.190
Hàng hóa	8.967.749.347	10.309.886.513
Hàng gửi đi bán	2.863.210.726	2.385.033.605
	945.574.526.825	588.336.693.407
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.739.463.474)	(13.251.408.095)
	930.835.063.351	575.085.285.312

Thay đổi trong khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ/ năm như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	13.251.408.095	9.846.804.179
Trích lập trong kỳ/năm	1.494.504.459	3.404.603.916
Hoàn nhập trong kỳ/năm	(6.449.080)	-
Số dư cuối kỳ/năm	14.739.463.474	13.251.408.095

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	281.066.710.524	496.188.042.015	25.986.379.271	12.551.865.963	448.387.362	816.241.385.135
Tăng trong kỳ	4.101.043.900	117.165.633.899	7.172.865.455	4.031.816.860	-	132.471.360.114
Thanh lý	-	(8.889.639.378)	-	-	(14.200.000)	(8.903.839.378)
Tại ngày 30/6/2015	285.167.754.424	604.464.036.536	33.159.244.726	16.583.682.823	434.187.362	939.808.905.871
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	140.194.362.619	375.355.659.886	17.002.312.154	8.807.826.714	347.202.531	541.707.363.904
Khấu hao trong kỳ	11.112.657.964	39.813.945.403	1.485.433.409	1.240.244.248	23.888.346	53.676.169.370
Thanh lý	-	(8.885.348.872)	-	-	-	(8.885.348.872)
Tại ngày 30/6/2015	151.307.020.583	406.284.256.417	18.487.745.563	10.048.070.962	371.090.877	586.498.184.402
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2015	133.860.733.841	198.179.780.119	14.671.499.163	6.535.611.861	63.096.485	353.310.721.469
Tại ngày 31/12/2014	140.872.347.905	120.832.382.129	8.984.067.117	3.744.039.249	101.184.831	274.534.021.231

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty bao gồm một số tài sản cố định với nguyên giá là 366.515.348.090 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 329.147.422.428 đồng) đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CONSố 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. TÀI SẢN VÔ HÌNH**

	Phần mềm vi tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	1.946.987.925	14.189.705.081	16.136.693.006
Tăng trong kỳ	281.060.000	-	281.060.000
Tại ngày 30/6/2015	2.228.047.925	14.189.705.081	16.417.753.006
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	1.905.987.925	13.519.445.209	15.425.433.134
Khấu hao trong kỳ	38.062.224	55.783.092	93.845.316
Tại ngày 30/6/2015	1.944.050.149	13.575.228.301	15.519.278.450
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2015	283.997.776	614.476.780	898.474.556
Tại ngày 31/12/2014	41.000.000	670.259.872	711.259.872

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản vô hình của Tổng Công ty bao gồm một số tài sản với nguyên giá là 13.864.369.525 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 13.755.352.625 đồng) đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

Vào ngày 18 tháng 5 năm 2010, Tổng Công ty đã ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất tại Ấp Mỹ Hòa 4, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 11.958.381.600 đồng theo chứng thư thẩm định giá của Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội. Tổng Công ty đã nhận bàn giao khu đất này từ Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Giá gốc khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	125.147.036.594	125.147.036.594
Phần lợi ích của Công ty mẹ trong lợi nhuận của công ty liên kết, liên doanh phát sinh sau ngày đầu tư trừ đi cổ tức đã nhận	143.452.480.696	118.926.944.702
	268.599.517.290	244.073.981.296

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty mẹ được trình bày như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Tổng tài sản	2.718.629.219.916	2.580.877.811.281
Tổng nợ phải trả	1.886.618.419.991	1.788.728.644.770
Tài sản thuần	832.010.799.925	792.149.166.511
Phần lợi ích của Công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty liên kết, liên doanh	268.599.517.290	244.073.981.296
	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận thuần	119.882.532.156	99.695.607.702
Phần lợi ích của Công ty mẹ trong lợi nhuận thuần của công ty liên kết, liên doanh	31.765.572.168	25.556.486.627

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CONSố 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	22.146.820.000	22.146.820.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex	15.150.000.000	15.150.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Á	15.061.750.000	15.061.750.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Công nghiệp và sản xuất kinh doanh dệt may Việt nam	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	5.764.800.000	5.764.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Tổng hợp Ninh Thuận	252.300.877	252.300.877
Công ty Cổ phần Chỉ may Phong Việt	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần VDA Đà Nẵng	280.000.000	280.000.000
	<u>70.655.670.877</u>	<u>70.655.670.877</u>

13. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.876.132.141	10.203.441.441
Ngân Hàng TMCP Đông Á	9.823.363.200	7.813.374.450
	<u>13.699.495.341</u>	<u>18.016.815.891</u>

Thay đổi trong khoản dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ/ năm như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu kỳ/năm	18.016.815.891	18.168.888.213
Trích lập trong kỳ/năm	2.009.988.750	3.066.146.475
Hoàn nhập trong kỳ/năm	<u>(6.327.309.300)</u>	<u>(3.218.218.797)</u>
Số dư cuối kỳ/năm	<u>13.699.495.341</u>	<u>18.016.815.891</u>

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu kỳ/năm	15.247.207.530	18.002.502.202
Tăng trong kỳ/năm	13.090.638.609	13.317.011.213
Phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	<u>(12.955.778.568)</u>	<u>(16.072.305.885)</u>
Số dư cuối kỳ/năm	<u>15.382.067.571</u>	<u>15.247.207.530</u>

15. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác thể hiện các khoản tiền ký quỹ thuê mặt bằng, cửa hàng và kho với thời hạn thuê trên 1 năm. Các khoản ký quỹ này sẽ được thu hồi khi hợp đồng thuê hết thời hạn và được thanh lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	173.307.223.612	192.237.124.559
<i>Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại (i)</i>	<i>111.633.463.180</i>	<i>130.352.364.127</i>
<i>Vay ngắn hạn khác (ii)</i>	<i>61.673.760.432</i>	<i>61.884.760.432</i>
Nợ dài hạn đến hạn trả (iii)	156.916.000.000	-
	<u>330.223.223.612</u>	<u>192.237.124.559</u>

- i) Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại trong nước cho mục đích thanh toán các chi phí vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh trong nước và thanh toán tiền hàng nhập khẩu. Các khoản vay này được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ với tổng hạn mức là 300.000.000.000 đồng và 8.000.000 đô la Mỹ. Các khoản vay này không có bảo đảm và thời hạn vay là 6 tháng cho từng lần rút vốn. Lãi suất vay và thời hạn trả nợ gốc vay được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.
- ii) Các khoản vay ngắn hạn khác bao gồm vay Hội cựu chiến binh Tổng Công ty, Kinh phí công đoàn, Quỹ "Vì người nghèo", Quỹ Xã hội Từ thiện, huy động từ cán bộ công nhân viên Tổng Công ty và Quỹ Đảng phí. Các khoản vay này đáo hạn trong vòng 1 năm, không có bảo đảm và không chịu lãi suất.
- iii) Nợ dài hạn đến hạn trả thể hiện giá trị 1.400.000 trái phiếu chuyển đổi bắt buộc sau 3 năm với mệnh giá là 100.000 đồng/trái phiếu cho các cổ đông hiện hữu và khoản lợi tức lũy kế phải trả cho các trái chủ. Tổng Công ty đã được chấp thuận cho việc đăng ký phát hành trái phiếu này ra công chúng theo Giấy chứng nhận số 055/GCN-UBCK của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 12 tháng 12 năm 2012. Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày đáo hạn là 1:10. Trái phiếu được hưởng lãi suất cố định 5%/năm và nhận lãi tại ngày đáo hạn vào ngày 01 tháng 02 năm 2016.

Tổng Công ty chưa đánh giá và ghi nhận tách biệt giá trị của thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của trái phiếu chuyển đổi bắt buộc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của trái phiếu chuyển đổi. Thông tư 210 định nghĩa trái phiếu chuyển đổi là công cụ tài chính phức hợp và yêu cầu giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ tài chính phức hợp được phân bổ cho thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính phức hợp bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả. Theo đó, Tổng Công ty đang ghi nhận toàn bộ giá trị trái phiếu chuyển đổi như là một khoản vay dài hạn.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	6.437.232.820	7.761.476.015
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.496.011.456	23.301.309.759
Thuế thu nhập cá nhân	835.784.063	3.070.943.607
Thuế khác	5.013.568.954	3.719.616.118
	<u>33.782.597.293</u>	<u>37.853.345.499</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả khác quyền sử dụng đất tại Hóc Môn (i)	11.958.381.600	11.958.381.600
Phải trả khác	7.281.500.323	5.711.097.301
Phải trả tiền hỗ trợ đại lý	12.823.282.347	5.647.959.594
Phải trả kinh phí công đoàn	3.444.898.780	6.235.809.572
Cổ tức phải trả	-	84.000.000.000
Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	758.487.894	11.057.481
	<u>36.266.550.944</u>	<u>113.564.305.548</u>

- i) Đây là khoản phải trả cho Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với quyền sử dụng lô đất tại Ấp Mỹ Hòa 4, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh được ghi nhận căn cứ vào chứng thư thẩm định giá của Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội đề ngày 18 tháng 5 năm 2010.

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện số dư khoản dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập theo chính sách kế toán của Tổng Công ty.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MÂY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	280.000.000.000	24.469.859.758	1.693.895.152	188.480.079.743	32.986.315.969	141.987.745.262	669.617.895.884
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	296.591.513.181	296.591.513.181
Trích quỹ trong năm	-	-	-	71.241.699.195	862.251.031	(135.539.611.801)	(63.435.661.575)
Trích thêm cổ tức 5% vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013	-	-	-	-	-	(14.000.000.000)	(14.000.000.000)
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(84.000.000.000)	(84.000.000.000)
Khác	-	-	-	-	(649.591.798)	649.591.798	-
Số dư tại ngày 31/12/2014	280.000.000.000	24.469.859.758	1.693.895.152	259.721.778.938	33.198.975.202	205.689.238.440	804.773.747.490
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	157.318.426.571	157.318.426.571
Khác	-	-	-	-	-	(739.595.886)	(739.595.886)
Số dư tại ngày 30/6/2015	280.000.000.000	24.469.859.758	1.693.895.152	259.721.778.938	33.198.975.202	362.268.069.125	961.352.578.175

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty mẹ đã đề xuất mức chia cổ tức cho năm 2014 là 30% trên vốn điều lệ của Tổng Công ty tương đương 84.000.000.000 đồng. Toàn bộ cổ tức đã được tạm trích trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 84.000.000.000 đồng tương ứng với 30% vốn điều lệ. Toàn bộ số cổ tức của năm 2014 đã được thanh toán đủ cho các cổ đông trong kỳ.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Vốn điều lệ**

Số lượng cổ phần, tỷ lệ nắm giữ và vốn góp của các cổ đông của Công ty mẹ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động/ niên độ kế toán như sau:

	Tại ngày 30/6/2015			Tại ngày 31/12/2014		
	Cổ phần	%	VND	Cổ phần	%	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	13.405.920	47,88	134.059.200.000	13.405.920	47,88	134.059.200.000
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	3.965.000	14,16	39.650.000.000	3.965.000	14,16	39.650.000.000
Công ty Tungshing Sewing Machine Co., Ltd. (Hong Kong)	2.783.000	9,94	27.830.000.000	2.783.000	9,94	27.830.000.000
Khác	7.846.080	28,02	78.460.800.000	7.846.080	28,02	78.460.800.000
	28.000.000	100,00	280.000.000.000	28.000.000	100,00	280.000.000.000

Cổ phần

	30/6/2015	31/12/2014
Được phép phát hành:		
Số lượng - cổ phần	28.000.000	28.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>280.000.000.000</u>	<u>280.000.000.000</u>
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng - cổ phần	28.000.000	28.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>280.000.000.000</u>	<u>280.000.000.000</u>

Công ty mẹ chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ.

500-
NHÀ
NG
HIỆM
017
T N
P. H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MÂY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU B 09-DN/HN

21. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	Thuận Tiến VND	Tiến Thuận VND	Nam Thiên VND	Việt Tiến Meko VND	Việt Hồng VND
Vốn điều lệ của công ty con	20.000.000.000	20.000.000.000	8.139.000.000	39.854.905.240	10.000.000.000
<i>Trong đó:</i>					
Vốn góp của Công ty mẹ	16.500.000.000	16.500.000.000	6.800.000.000	21.145.165.240	2.500.000.000
Vốn góp của Nam Thiên	-	-	-	-	5.000.000.000
Vốn góp của cổ đông thiểu số	3.500.000.000	3.500.000.000	1.339.000.000	18.709.740.000	2.500.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	17,50%	17,50%	16,45%	49,00%	33,22%
<i>Trong đó:</i>					
Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	17,50%	17,50%	16,45%	49,00%	25,00%
Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	8,22%
Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần tại ngày 30 tháng 6 năm 2015:					
	Thuận Tiến VND	Tiến Thuận VND	Nam Thiên VND	Việt Tiến Meko VND	Việt Hồng VND
Tổng tài sản	106.144.168.853	65.700.071.074	49.648.609.446	165.386.687.468	441.520.347.632
Tổng nợ phải trả	47.059.586.275	30.654.778.155	24.368.230.924	71.780.654.484	189.429.920.282
Tài sản thuần	59.084.582.578	35.045.292.919	25.280.378.522	93.606.032.984	252.090.427.350
<i>Trong đó:</i>					
Vốn điều lệ	20.000.000.000	20.000.000.000	8.139.000.000	10.000.000.000	97.993.905.240
Quỹ đầu tư phát triển	11.066.295.544	7.353.667.249	925.427.398	9.025.006.924	28.370.397.115
Quỹ dự phòng tài chính	2.328.564.484	872.162.379	1.240.951.126	2.000.000.000	6.806.307.153
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.689.722.550	6.819.463.291	14.974.999.998	(1.145.394.057)	118.919.817.842
Lợi ích của cổ đông thiểu số	10.339.801.951	6.132.926.261	4.158.756.767	30.273.924.157	69.232.574.338
<i>Trong đó:</i>					
Vốn điều lệ	3.500.000.000	3.500.000.000	1.339.000.000	2.500.000.000	29.548.740.000
Quỹ đầu tư phát triển	1.936.601.720	1.286.891.769	152.232.807	2.998.107.300	6.373.833.596
Quỹ dự phòng tài chính	407.498.785	152.628.416	204.136.460	664.400.000	1.607.331.951
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.495.701.446	1.193.406.076	2.463.387.500	(561.243.088)	31.702.668.791

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CONSố 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU B 09-DN/HN**

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015:

	Thuận Tiến VND	Tiến Thuận VND	Nam Thiên VND	Việt Tiến Meko VND	Việt Hồng VND	Tổng VND
Lợi nhuận sau thuế của công ty con	6.918.939.820	97.248.375	1.378.475.462	(6.077.569.942)	16.230.859.836	18.547.953.551
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	1.210.814.469	17.018.466	226.759.213	(2.978.009.272)	5.391.891.638	3.868.474.514
Thay đổi của lợi ích cổ đông thiểu số trong kỳ/ năm như sau:						
	VND	VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	29.548.740.000	5.029.578.022	1.608.350.423	19.112.245.016	55.298.913.461	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	16.143.336.743	16.143.336.743	
Trích quỹ trong năm	-	-	1.344.255.574	(1.018.472)	(4.139.769.859)	(2.796.532.757)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.136.000.000)	(3.136.000.000)
Khác	-	-	-	(323.142.249)	323.142.249	-
Số dư tại ngày 31/12/2014	29.548.740.000	6.373.833.596	1.284.189.702	28.302.954.149	65.509.717.447	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	3.868.474.514	3.868.474.514	
Khác	-	-	-	(145.617.623)	(145.617.623)	
Số dư tại ngày 30/6/2015	29.548.740.000	6.373.833.596	1.284.189.702	32.025.811.040	69.232.574.338	



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh may mặc và hoạt động tập trung chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Các hoạt động và các khu vực địa lý này đều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và khả năng sinh lợi.

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.646.401.953.922	1.289.654.378.987
Chi phí nhân công	757.688.497.696	653.239.770.906
Chi phí khấu hao	52.626.029.128	38.391.836.590
Chi phí dịch vụ mua ngoài	473.311.809.244	420.244.833.606
Chi phí khác	69.696.262.924	83.304.152.875
	<u>2.999.724.552.914</u>	<u>2.484.834.972.964</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.445.363.061	5.756.787.052
Cổ tức, lợi nhuận được chia	106.768.500	340.945.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.048.784.020	4.740.662.898
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.867.909.339
	<u>18.600.915.581</u>	<u>12.706.304.789</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí lãi vay	3.500.000.000	3.579.580.172
Trích dự phòng đầu tư tài chính	2.009.988.750	967.660.750
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(6.327.309.300)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.870.767.899	3.466.251.379
Khác	2.120.000.000	1.730.000.000
	<u>8.173.447.349</u>	<u>9.743.492.301</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	110.500.000	181.272.725
Thu nhập từ tài sản dùng cho thuê	4.213.694.990	4.165.183.310
Các khoản thu khác	1.682.974.507	1.878.229.650
Thu nhập khác	6.007.169.497	6.224.685.685
Khấu hao tài sản dùng cho thuê	1.143.985.558	2.287.712.166
Các khoản chi khác	870.514.053	755.182.833
Chi phí khác	2.014.499.611	3.042.894.999
Lợi nhuận khác	3.992.669.886	3.181.790.686

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	39.389.665.743	30.920.708.946
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(1.114.827.060)	(580.426.879)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	38.274.838.683	30.340.282.067

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 22% (năm 2014: 22%), riêng Công ty TNHH May Thuận Tiến vẫn đang trong thời gian được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	157.318.426.571	137.898.287.945
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	28.000.000	28.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.619	4.925

0-0
 IAN
 T
 H
 IT
 NA
 HC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	23.433.229.193	19.172.508.458

Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động/ niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	38.515.635.850	25.770.933.742
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	56.851.024.544	37.698.118.831
Sau năm năm	18.018.025.434	17.312.122.700
	113.384.685.828	80.781.175.273

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê mặt bằng và nhà xưởng của Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức tại số 219 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 8.179.380.000 đồng/năm. Hợp đồng được ký với thời hạn dự kiến là 25 năm và ký hợp đồng thuê theo từng giai đoạn 5 năm kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2014 đối với thuê nhà xưởng và từ ngày 01 tháng 12 năm 2013 đối với thuê mặt bằng.

- Tổng số tiền thuê các cửa hàng, văn phòng của Tổng Công ty để bán hàng, giới thiệu sản phẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Thời hạn thuê và giá thuê được quy định theo từng hợp đồng cụ thể.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ hoạt động/ niên độ kế toán như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản vay	330.223.223.612	345.653.124.559
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(151.183.247.854)	(278.430.176.919)
Nợ thuần	179.039.975.758	67.222.947.640
Vốn chủ sở hữu	961.352.578.175	804.773.747.490
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,19	0,08



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	151.183.247.854	278.430.176.919
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.178.195.551.245	1.097.160.689.511
Các khoản đầu tư tài chính	318.316.175.536	223.518.854.986
Các khoản ký quỹ, ký cược	40.537.615.419	40.436.649.419
Tổng	1.688.232.590.054	1.639.546.370.835
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	330.223.223.612	345.653.124.559
Phải trả người bán và phải trả khác	1.279.128.274.461	832.296.912.287
Chi phí phải trả	27.506.636.078	10.027.073.280
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	2.673.146.400	2.823.146.400
Tổng	1.639.531.280.551	1.190.800.256.526

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ hoạt động do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ hoạt động/ niên độ kế toán như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	Công nợ phải trả		Tài sản	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ ("USD")	1.171.992.804.572	754.325.777.422	1.077.623.738.760	1.024.495.012.296
Yên Nhật ("JPY")	21.663.950.360	22.035.332.358	-	-

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Yên Nhật. Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% (năm 2014: 1%) so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% (năm 2014: 1%) được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% (năm 2014: 1%) thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% (năm 2014: 1%) thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
USD	(1.887.381.316)	2.259.560.224
JPY	(433.279.007)	(259.967.404)

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty đánh giá rủi ro lãi suất ở mức thấp do các khoản vay và nợ (Thuyết minh số 16) được thực hiện theo mức lãi suất thấp so với thị trường. Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay không chịu lãi suất và các khoản vay hộ cho Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing (phần vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại tại phần (i) Thuyết minh số 16) với toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh sẽ được Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing thanh toán. Khoản nợ dài hạn đến hạn trả thể hiện giá trị 1.400.000 trái phiếu chuyển đổi bắt buộc sau 3 năm với mệnh giá là 100.000 đồng/trái phiếu với lãi suất cố định 5%/năm.

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	151.183.247.854	-	151.183.247.854
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.178.195.551.245	-	1.178.195.551.245
Các khoản đầu tư tài chính	318.316.175.536	-	318.316.175.536
Các khoản ký quỹ, ký cược	-	40.537.615.419	40.537.615.419
	1.647.694.974.635	40.537.615.419	1.688.232.590.054
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	330.223.223.612	-	330.223.223.612
Phải trả người bán và phải trả khác	1.279.128.274.461	-	1.279.128.274.461
Chi phí phải trả	27.506.636.078	-	27.506.636.078
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	2.673.146.400	2.673.146.400
	1.636.858.134.151	2.673.146.400	1.639.531.280.551
Chênh lệch thanh khoản thuần	10.836.840.484	37.864.469.019	48.701.309.503
31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	278.430.176.919	-	278.430.176.919
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.097.160.689.511	-	1.097.160.689.511
Các khoản đầu tư tài chính	223.518.854.986	-	223.518.854.986
Các khoản ký quỹ, ký cược	2.750.000	40.433.899.419	40.436.649.419
	1.599.112.471.416	40.433.899.419	1.639.546.370.835
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	192.237.124.559	153.416.000.000	345.653.124.559
Phải trả người bán và phải trả khác	832.296.912.287	-	832.296.912.287
Chi phí phải trả	10.027.073.280	-	10.027.073.280
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	2.823.146.400	2.823.146.400
	1.034.561.110.126	156.239.146.400	1.190.800.256.526
Chênh lệch thanh khoản thuần	564.551.361.290	(115.805.246.981)	448.746.114.309

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Hạn mức tín dụng còn lại có thể sử dụng từ các khoản vay được trình bày tại Thuyết minh số 16 là 300.000.000.000 đồng và 2.874.497 đô la Mỹ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần nguyên vật liệu Dệt May Bình An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Việt Hưng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Tiến Tiến	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tổng Hợp Ninh Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đồng Tiến	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Công Tiến	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Tây Đô	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	Công ty liên kết
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Việt Tân	Công ty liên kết
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing	Hợp tác kinh doanh
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	Hợp tác kinh doanh
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	Cổ đông chiến lược

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 <u>VND</u>	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>
Doanh thu		
<u>Các công ty liên kết, liên doanh</u>		
Công ty Cổ Phần Việt Hưng	359.195.625	2.251.515.237
Công ty Cổ phần May Công Tiến	5.843.102.178	1.350.293.779
Công ty Cổ phần May Tây Đô	3.627.508.000	1.165.226.545
Công ty Cổ Phần Đồng Tiến	50.000.000	982.233.264
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	2.143.918.085	822.734.225
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	924.083.530	728.630.150
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	208.101.961	219.008.155
Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức	180.765.045	89.354.455
Công ty Cổ phần May Tiến Tiến	352.717.778	70.000.000
Công ty Cổ phần Tổng hợp Ninh Thuận	45.000.000	45.000.000
Công ty Cổ Phần May Việt Tân	4.422.396.300	41.000.000
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	1.148.678.232	-
<u>Cổ đông chiến lược</u>		
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	767.870.087.118	668.669.357.850

00-00
 NHÁNH
 G TY
 ỆM HỮU
 OITT
 NAR
 HỒ C

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình


Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


Báo cáo tài chính hợp nhất


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khác		
<u>Các công ty liên kết, liên doanh</u>		
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	101.422.847.221	98.850.938.888
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á	24.720.000.000	24.000.000.000
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	800.000.000	800.000.000
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing	149.156.155.350	136.327.005.307
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	<u>2.452.260.515</u>	<u>479.620.120</u>
Trả trước cho nhà cung cấp		
<u>Các công ty liên doanh, liên kết</u>		
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	10.780.000	1.470.000.000
Công ty Cổ phần May Việt Tân	10.000.000.000	-
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	3.200.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	<u>8.000.000.000</u>	<u>-</u>
Ký quỹ dài hạn		
<u>Các công ty liên doanh, liên kết</u>		
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	<u>34.575.552.000</u>	<u>34.575.552.000</u>
Phải trả thương mại		
<u>Các công ty liên doanh, liên kết</u>		
Công ty Cổ phần May Công Tiến	31.722.593.206	1.493.534.725
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	3.888.999.350	768.637.914
Công ty Cổ phần May Tây Đô	12.609.721.933	82.145.874
Công ty Cổ phần May Việt Tân	5.732.258.312	1.717.959.110
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	4.750.028.002	-
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	424.158.320	700.787.983
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	-	5.277.756
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	921.821.817	283.611.847
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	539.424.657	11.782.000
Công ty Cổ phần Việt Hưng	<u>293.222.160</u>	<u>-</u>
<u>Công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh</u>		
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing	32.499.299.593	-
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	<u>1.439.883.140</u>	<u>-</u>
<u>Cổ đông chiến lược</u>		
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	<u>542.224.896.492</u>	<u>200.532.759.620</u>
Người mua trả tiền trước		
<u>Cổ đông chiến lược</u>		
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	<u>45.167.184.531</u>	<u>42.077.645.419</u>
Phải trả khác		
<u>Các công ty liên kết, liên doanh</u>		
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing	2.275.231.857	-
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	<u>1.315.060.857</u>	<u>-</u>


 Nguyễn Bích Thủy
 Người lập


 Nguyễn Trâm Anh
 Kế toán trưởng


 Bùi Văn Tiến
 Tổng Giám đốc
 Ngày 28 tháng 8 năm 2015

